TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – G phúc**

Bản án số: 01/2023/LĐ - PT
Ngày 20 tháng 7 năm 2023
"V/v *Kiện đòi bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Toàn.

Bà Lê Thị Thu Huyền.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Tuyến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 tháng 7 và ngày 20/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ T hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số: 01/2023/TLPT - LĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 về việc "*Kiện đòi bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động*". Do bản án lao động sơ thẩm số: 01/2022/LĐ-ST ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 65/2023/QĐPT - LĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 và các quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

- *Các nguyên đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950. (Có đơn xin xét xử mặt ngày 20/7/2023).

Địa chỉ: Tổ 13, phố P, phường P, thị xã T, tỉnh Phú Thọ.

2. Bà Mai Thị M, sinh năm 1947. (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà M : Bà Ngô Thị Thúy G, người đại diện theo ủy quyền của bà G bà Mai Thị Q, sinh năm 1959. Có mặt.

Địa chỉ: Khu 13, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

3. Chị Cấn Thị Thùy Chi, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Khu 9, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt – Rút đơn khởi kiện)

4. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Khu 13, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt – Rút đơn khởi kiện và kháng cáo)

5. Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1952. (Có mặt).

Địa chỉ: Khu 9, xã C, huyện B, tỉnh Phú Thọ.

6. Bà Vi Thị L, sinh năm 1958. (Có mặt).

Địa chỉ: Khu 12, xã Đ, huyện B, tỉnh Phú Thọ.

7. Bà Ngô Thị Kim O, sinh năm 1955. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

8. Ông Bạch N, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Khu 15, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt – Rút đơn khởi kiện và kháng cáo).

9. Ông Trần Văn Y, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Khu 10, xã X, huyện B, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt – Rút đơn khởi kiện).

10. Bà Đặng Thị M, sinh năm 1956. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 11, xã V, huyện B, tỉnh Phú Thọ.

11. Bà Vũ Thị B Minh, sinh năm 1959. (Có mặt).

Địa chỉ: Khu 11, xã V, huyện B, tỉnh Phú Thọ.

12. Bà Phí Thị S, sinh năm 1959. (Có mặt).

Địa chỉ: Khu 11, xã X, huyện B, tỉnh Phú Thọ.

13. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1954; (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 7, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

14. Ông Hoàng Văn Chước, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Khu 13, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt – Rút đơn khởi kiện và kháng cáo).

15. Bà Hà Thị Q, sinh năm 1951; (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 5, xã A, huyện N, tỉnh Phú Thọ.

16. Bà Vũ Thị L, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Khu 11, xã V, huyện B, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt – Rút đơn khởi kiện)

17. Bà Bùi Thị D, sinh năm 1958; (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 15, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

18. Ông Phan Văn B, sinh năm 1964; (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 3, xã X, huyện B, tỉnh Phú Thọ.

19. Ông Nguyễn Xuân M, sinh năm 1951;

Địa chỉ: Khu C, xã M, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

Người được ủy quyền của ông M: Bà Mai Thị H, sinh năm 1950 (là vợ ông M). Địa chỉ: Khu C, xã M, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. *(Có mặt)*

20. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1938. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 3, xã C, huyện T, thành phố H.

21. Ông Nguyễn Đình P, sinh năm 1959. (Có mặt).

Địa chỉ: Khu 10, xã T, huyện N, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích Q pháp của các nguyên đơn:

1. Luật sư Ngô Anh T. Luật sư Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn ATN & Cộng sự - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. (Có mặt).

2. Luật sư Phạm J Thảo và Luật sư Tạ Văn Tú. Đều là Luật sư Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn An Quốc - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; (Có mặt).

- Bị đơn: Công ty TNHH một thành viên Hóa chất 21.

Địa chỉ: Khu 11, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn R B - chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Hà Trung T - cấp bậc: Thiếu tá chuyên nghiệp - Chức vụ: Trợ lý Pháp chế. (Có mặt).

2. Bà Phương Thị M - cấp bậc: Trung tá chuyên nghiệp - Chức vụ: Trợ lý Chính sách. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Tổng cục Công nghiệp - Bộ quốc phòng.

Địa chỉ: 28A, Điện Biên Phủ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện: Chủ nhiệm tổng cục Công nghiệp quốc phòng: Ông Hồ Quang T - Trung tướng;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lương K - Cấp bậc: Thiếu tá. Chức vụ: Trợ lý Ban pháp chế/Bộ tham mưu/Tổng cục công nghiệp quốc phòng. Văn bản ủy quyền số 8196/UQ-CNQP ngày 20/8/2022; (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng các đồng nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/10/2013 tại Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21- Tổng cục Công nghiệp quốc phòng đã xảy ra vụ nổ làm 26 công nhân, người lao động và 01 người dân tử nạn. Sau khi xảy ra vụ nổ, gia đình các nạn nhân đã được nhận tiền hỗ trợ từ Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 cụ thể như sau:

1. Gia đình nạn nhân **Đoàn Thị Hải Y** đã nhận các khoản: Tiền hỗ trợ sau vụ nổ là: 210.000.000đ và tiền trợ cấp mai táng là: 17.700.000 đồng.

2. Gia đình nạn nhân **Hà Huy Đ** đã nhận các khoản: Tiền hỗ trợ mai táng là: 14.350.000 đồng và tiền hỗ trợ sau vụ nổ là: 211.000.000 đồng

3. Gia đình nạn nhân **Trần Thị H** đã nhận các khoản: Tiền mai táng là: 27.000.000 đồng và tiền hồ tiền hỗ trợ sau vụ nổ là: 211.000.000 đồng

4. Gia đình nạn nhân **Hà Thị G** đã nhận các khoản: Tiền hỗ trợ mai táng là: 12.965.000 đồng và tiền hỗ trợ sau vụ nổ là: 206.500.000 đồng

5. Gia đình nạn nhân **Lê T P** đã nhận các khoản: Tiền hỗ trợ mai táng là: 17.500.000 đồng và tiền hỗ trợ sau vụ nổ là: 200.000.000 đồng

6. Gia đình nạn nhân **Lưu R T** đã nhận các khoản: Tiền hỗ trợ mai táng là: 14.500.000 đồng và tiền hỗ trợ sau vụ nổ là: 191.000.000 đồng

7. Gia đình nạn nhân **Bạch T** đã nhận các khoản: Tiền hỗ trợ mai táng là: 12.000.000 đồng và tiền hỗ trợ sau vụ nổ là: 193.000.000 đồng.

8. Gia đình nạn nhân **Hà Anh T** đã nhận các khoản: Tiền hỗ trợ mai táng là: 12.000.000 đồng và tiền hỗ trợ sau vụ nổ là: 186.000.000 đồng

9. Gia đình nạn nhân **Vi Thái B** đã nhận các khoản: Tiền hỗ trợ mai táng là: 18.545.000 đồng; tiền hỗ trợ sau vụ nổ là: 204.000.000 đồng

10. Gia đình nạn nhân Nguyễn Thị Kim T đã nhận các khoản: Tiền hỗ trợ mai táng là: 12.000.000 đồng và tiền hỗ trợ sau vụ nổ là: 219.000.000 đồng.

11. Gia đình nạn nhân **Phan Thị N** đã nhận các khoản: Tiền hỗ trợ mai táng

là: 12.000.000 đồng và tiền hỗ trợ sau vụ nổ là: 215.000.000 đồng.

12. Gia đình nạn nhân **Nguyễn Xuân J** đã nhận các khoản: Tiền hỗ trợ mai táng là: 11.700.000 đồng và tiền hỗ trợ sau vụ nổ là: 209.000.000 đồng.

13. Gia đình nạn nhân **Triệu Duy N** đã nhận các khoản: Tiền hỗ trợ mai táng là: 11.500.000 đồng và tiền hỗ trợ sau vụ nổ là: 203.000.000 đồng.

14. Gia đình nạn nhân **Nguyễn T** đã nhận các khoản: Tiền hỗ trợ mai táng là: 12.390.000 đồng và tiền hỗ trợ sau vụ nổ là: 200.000.000 đồng

15. Gia đình nạn nhân **Trần Thị T** đã nhận các khoản: Tiền hỗ trợ mai táng là: 10.700.000 đồng và tiền hỗ trợ sau vụ nổ là: 201.000.000 đồng

16. Gia đình nạn nhân **Bùi Thị R** đã nhận các khoản: Tiền hỗ trợ mai táng là: 4.100.000 đồng và tiền hỗ trợ sau vụ nổ là: 200.000.000 đồng

17. Gia đình nạn nhân **Nguyễn Thị T** đã nhận các khoản: Tiền hỗ trợ mai táng là: 7.500.000 đồng và tiền hỗ trợ sau vụ nổ là: 191.000.000 đồng.

18. Gia đình nạn nhân **Đoàn Thị M** đã nhận các khoản: Tiền hỗ trợ mai táng là: 13.910.000 đồng và tiền hỗ trợ sau vụ nổ là: 200.000.000 đồng

19. Gia đình nạn nhân **Nguyễn Văn T** đã nhận các khoản: Tiền hỗ trợ mai táng là: 14.300.000 đồng và tiền hỗ trợ sau vụ nổ là: 215.000.000 đồng

20. Gia đình nạn nhân **Hoàng Việt T** đã nhân các khoản: Tiền hỗ trợ mai táng là: 8.300.000 đồng và tiền hỗ trợ sau vụ nổ là: 209.000.000 đồng

21. Gia đình nạn nhân **Trương Hải H** đã nhận các khoản: Tiền hỗ trợ mai táng là: 8.850.000 đồng và tiền hỗ trợ sau vụ nổ là: 200.000.000 đồng.

Ngoài ra, gia đình các nạn nhân đã nhận được khoản tiền do Bảo hiểm xã hội chi trả theo quy định của pháp luật và khoản hỗ trợ hàng tháng của Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 cho các cháu (là con của những người tử nạn dưới 18 tuổi) từ năm 2014 đến nay, các gia đình không có thắc mắc gì.

Sự việc kéo dài nhiều năm, các gia đình chưa nhận được khoản bồi thường tai nạn lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động năm 2012, nên tập thể gồm các đại diện của 21 nạn nhân trong vụ nổ làm đơn khởi kiện Công ty TNHH một Thành viên Hóa chất 21, yêu cầu những nội D sau:

1. Buộc Nhà máy Z121 có trách nhiệm chi trả cho các gia đình có con em bị nạn trong vụ nổ theo đúng tinh thần biên bản điều tra số 2460/BB-ĐTTNLD ngày 06/5/2014 của Tổng cục Công nghiệp quốc phòng (sau khi trừ đi các khoản thực tế mà gia đình các nạn nhân được nhận cụ thể số tiền buộc nhà máy Z121 phải chi trả gồm:

1.1. Chi phí bồi thường hoặc trợ cấp: 18.243.000.000 tỷ đồng. *(Mười tám tỷ, hai trăm bốn mươi ba triệu đồng)*.

1.2. Chi phí ma chay thăm hỏi là: 8.797.000.000 tỷ đồng *(Tám tỷ, bảy trăm chín mươi bảy triệu đồng)*.

2. Yêu cầu nhà máy phải có trách nhiệm chi trả khoản bồi thường tổn thất về tinh thần cho các thân nhân của các nạn nhân đã mất trong vụ nổ số tiền tương đương 100 tháng lương.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, để làm rõ cho các khoản chi phí theo biên bản điều tra, các nguyên đơn đã thống nhất đề nghị tòa án yêu cầu Nhà máy

Z121 có trách nhiệm cung cấp chứng từ thể hiện việc chi trả các khoản theo đúng biên bản điều tra 2460 năm 2014. Đồng thời yêu cầu tòa án triệu tập người làm chứng là các tổ chức, cá nhân nhằm xác minh làm rõ khoản tiền mà Nhà máy chi trả cho các thân nhân là do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước ủng hộ Nhà máy hay phúng viếng các nạn nhân trong vụ nổ (Vì trong các khoản liệt kê mà nhà máy chi trả, thì không có khoản nào trực tiếp của nhà máy mà đều là tiền của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước chi trả).

4. Trong quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, buộc Nhà máy bồi thường theo Điểm b, Khoản 3, Điều 145 Bộ luật Lao động năm 2012. T nhiên tòa sơ thẩm không xem xét giải quyết.

Vụ án này đã được Tòa án nhân dân thị xã P giải quyết bằng bản án sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 22/4/2021 và được Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết bằng bản án phúc thẩm số 79/2021/DS-PT ngày 24/12/2021. Bản án phúc thẩm đã Tên hủy P bộ bản án sơ thẩm và giao P bộ hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân thị xã P giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Thực hiện theo nội D, tinh thần của bản án Phúc thẩm, đồng thời đảm bảo quyền và lợi ích Q pháp của các nạn nhân trong vụ nổ, các đồng nguyên đơn thống nhất sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện như sau:

Rút yêu cầu khởi kiện: Buộc Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 chi trả khoản tiền Bồi thường tổn thất tinh thần cho gia đình thân nhân của 22 người tử nạn ở mức cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự 2015 bằng 100 tháng lương cơ bản.

Nay các đồng nguyên đơn yêu cầu:

- Buộc Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 bồi thường theo Biên bản điều tra số: 2460/BB - ĐTTNLĐ ngày 06/05/2014, (sau khi đã trừ đi các chi phí mà thực tế thân nhân của 26 nạn nhân đã được nhận) theo đó buộc Công ty phải chi trả gồm:

Cụ thể gồm hai phần:

+, Chi bồi thường hoặc trợ cấp 18.243.000.000 đồng. Được nhà máy trả lời bằng văn bản 12789/HC21-CT ngày 03/9/2019 là 5.525.000.000 đồng. Trong đó gia đình nhận ít nhất là 186.000.000đồng, gia đình nhận nhiều nhất là 219.000.000 đồng (bao gồm tiền hỗ trợ phúng viếng của Bộ quốc phòng, nhà máy và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài quân đội.

+, Chi phí khác (Chi phí ma chay, thăm hỏi) là 8.797.000.000đồng.

(Đã nộp bổ sung những vỏ phong bì ghi kính viếng thể hiện việc kính viếng cá nhân những người tử nạn)

- Buộc Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 phải giải trình và cung cấp các tài liệu chứng từ chứng minh nghĩa vụ chi trả các khoản chi phí được giải trình theo biên bản điều tra 2460/BB - ĐTTNLĐ ngày 06/05/2014.

- Một vụ án nghiêm trọng 27 người chết, 75 người bị thương phá hủy P bộ công trình nhà xưởng thiết bị nơi sản xuất, thiệt hại hàng trăm tỷ đồng mà không được khởi tố điều tra.

Giải quyết chế độ (danh dự cái chết): Không đúng thẩm quyền giải quyết chế độ. Tách 22 nạn nhân về UBND tỉnh Phú Thọ (liên quan đến thông báo kết luận của thường trực tỉnh ủy số 364-TB/UB ngày 08/8/2016).

Thủ tục hồ sơ của nạn nhân: Căn cứ Điều 32 – NĐ 31. Cấp giấy báo tử Công ty hướng dẫn 26 gia đình lấy giấy chứng tử là không đúng luật.

- Buộc Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 bồi thường theo Điểm b, Khoản 3, Điều 145 Bộ luật Lao động 2012 phải bồi thường 45 tháng lương theo Q đồng lao động, cộng với lãi suất chậm trả tính từ ngày xảy ra thiệt hại năm 2013 đến thời điểm được chi trả.

Người bảo vệ quyền và lợi ích Q pháp của các nguyên đơn:

1. Luật sư Ngô Anh T - Luật sư Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn ATN & Cộng sự – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội trình bày quan điểm: Đề nghị Công ty 21 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Luật sư Phạm J Thảo và Luật sư Tạ Văn Tú. Đều là Luật sư Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn An Quốc – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội trình bày quan điểm: Đề nghị Công ty 21 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 19/10/2022 chị Cấn Thị Thùy Chi có đơn xin rút đơn khởi kiện.

Ngày 28/10/2022 bà Vũ Thị L có đơn xin rút đơn khởi kiện.

Ngày 28/10/2022 ông Trần Văn Y có đơn xin rút đơn khởi kiện.

Đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH một thành viên Hóa chất 21 ông Hà Trung Thành trình bày:

Ngày 12/10/2013 xảy ra vụ nổ pháo hoa tại Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 làm 27 người tử nạn (Trong đó có 26 công nhân của Nhà máy và 01 người dân) và làm bị thương 75 người (72 công nhân của Nhà máy và 03 người dân). Sau khi xảy ra vụ nổ, Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 đã phối Q với các cơ quan liên quan làm thủ tục kê khai, chi, trả cho gia đình các nạn nhân các khoản trợ cấp tiền mai táng phí, hỗ trợ sau vụ nổ, giải quyết chế độ tai nạn lao động cho gia đình các nạn nhân theo quy định (có các tài liệu, chứng cứ kèm theo). Đối với các yêu cầu của nguyên đơn và các luật sư đưa ra, Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 có quan điểm:

Đối với yêu cầu: Theo biên bản 2460/Đ-ĐTTNLĐ ngày 06/5/2014 đối với 02 khoản chi bồi thường hoặc trợ cấp số tiền 18.243.000.000đ (Mười tám tỷ hai trăm bốn mươi ba triệu đồng và Chi phí cho mai táng, thăm hỏi trong số tiền 8.797.000.000đ (Tám tỷ bảy trăm chín mươi bảy triệu đồng). Đây là 02 khoản chi để khắc phục hậu quả chung của vụ nổ, đây không phải là khoản chi trả riêng cho 27 người tử nạn. Số tiền này Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 đã chi trả cho 26 người lao động bị tử nạn, 01 người dân; Ngoài ra Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 còn chi cho 75 người bị thương (Trong đó công nhân của Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 là 72 và 03 người dân) và hơn 1500 ngôi nhà của người dân bị ảnh hưởng, thiệt hại bởi vụ nổ. Tổng số tiền chi 02 khoản trên, Công ty đã cung cấp cho Tòa án theo phụ lục I danh sách các khoản chi bồi thường, trợ cấp, ma chay, thăm hỏi vụ nổ pháo hoa ngày 12/10/2013 kèm theo Công văn số 2258/HC21-CT ngày 26/9/2022 của Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21.

Đối với chi phí cho việc trợ cấp tiền mai táng, thăm hỏi trong số tiền 8.797.000.000đ (Tám tỷ bảy trăm chín mươi bảy triệu đồng) để chi cho 27 người chết, 75 người bị thương, khi chi ra Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 có đầy đủ các chứng từ, đúng với quy định của pháp luật về lĩnh vực tài chính kế toán.

Nội D về bồi thường và trợ cấp số tiền 18.243.000.000đ: Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 chi trả bồi thường cho hơn 1.500 ngôi nhà bị ảnh hưởng và các thiệt hại khác chứ không phải là số tiền chi trả cho những người người tử nạn. Công ty có đầy đủ chứng từ chi theo quy định.

Trong các khoản Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 đã chi theo Biên bản số 2460 (hơn 42 tỷ đồng), Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 đã được các tổ chức, cá nhân hỗ trợ 23.239.608.570đ (hai mươi ba tỷ hai trăm ba mươi chín triệu sáu trăm linh tám nghìn năm trăm bảy mươi đồng), số tiền còn lại (hơn 19.310.391.430 đồng) thì phải huy động từ nguồn tài chính của Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21.

Trong các khoản tiền mà các tổ chức, cá nhân chuyển khoản hỗ trợ cho cho Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 có số tiền 10.000.000.000đ (Mười tỷ đồng) của Bộ Quốc phòng chuyển về hỗ trợ Công ty khắc phục hậu quả vụ nổ, Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 đã trích ra chi hỗ trợ cho những người bị thương vong (cả người chết và bị thương), ghi phong bì phúng viếng, thăm hỏi tên của các tổ chức, cá nhân Tộc Bộ Quốc phòng.

Đối với yêu cầu: Buộc Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 phải giải trình và cung cấp các tài liệu chứng từ chứng minh nghĩa vụ chi trả các khoản chi phí được giải trình theo biên bản điều tra 2460/BB - ĐTTNLĐ ngày 06/05/2014.

Về nội D này, Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 đã cung cấp cho Tòa án đầy đủ các chứng từ chi có liên quan đến 26 người bị tai nạn lao động theo biên bản giao nhận tài liệu chứng cứ ngày 12/02/2020 tại Tòa án nhân dân thị xã P. Ngoài ra là các khoản chi khác của vụ việc không liên quan đến 26 người lao động tử nạn, Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 đã cung cấp đầy đủ danh mục các khoản chi, chứng từ trong bảng kê tại Phụ lục I kèm theo Công văn số 2258/HC21-CT ngày 26/9/2022. Số tiền tiếp nhận từ nguồn hỗ trợ từ các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân trong và ngoài quân đội. Công ty cung cấp cho Tòa án phụ lục II, kèm theo Công văn số 2258/HC21-CT ngày 26/9/2022. Các khoản chi được thực hiện đúng quy định của pháp luật, có chứng từ chi đầy đủ. Trong đó có nhiều nội D chi trả: Chi trả cho những người tử nạn, những người bị thương và chi cho những ngôi nhà bị hư hỏng của các hộ dân mà Công ty phải hỗ trợ, bồi thường. Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết không chấp nhận yêu cầu này của các Nguyên đơn.

Đối với việc đề nghị giải quyết chế độ, chính sách của các nguyên đơn cho những người bị tử nạn theo chế độ, chính sách người có công. Về việc này Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 có quan điểm: Sau khi vụ tai nạn lao động xảy ra Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 đã cùng các gia đình phối Q với các cơ quan chức N nhằm giải quyết chế độ chính sách, T nhiên theo quy định của pháp

luật những người tử nạn trong vụ tai nạn lao động không đủ điều kiện để giải quyết theo chế độ chính sách người có công.

Đối với yêu cầu: Khoản bồi thường theo quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 145 Bộ luật Lao động 2012 là 45 tháng lương theo Q đồng lao động, cộng với lãi suất chậm trả tính từ ngày xảy ra thiệt hại từ năm 2013 đến thời điểm được chi trả. Về vấn đề này quan điểm của Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 thấy rằng: Từ sau khi vụ tai nạn lao động xảy ra Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 đã cùng gia đình có người tử nạn tích cực phối Q với cơ quan chức N nhằm giải quyết chế độ, chính sách theo chế độ Người có công (chế độ chính sách cao nhất có thể) cho những người tử nạn và bị thương. T nhiên theo quy định của pháp luật hiện hành, những người bị thương vong trong vụ tai nạn lao động ngày 12/10/2013 không đủ điều kiện để giải quyết theo chế độ, chính sách người có công. Vì vậy, tháng 12/2016 Công ty đã hoàn thiện thủ tục giải quyết chế độ tai nạn lao động cho thân nhân những người tử nạn và những người bị thương. Nhưng những thân nhân của người tử nạn không đồng ý giải quyết chế độ tai nạn lao động đối với người đã chết. Vì vậy, liên tục từ cuối năm 2016 đến nay, các gia đình đã gửi rất nhiều đơn thư đến Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 cũng như đến các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội cùng như các cơ quan chức N trong và ngoài Quân đội để yêu cầu giải quyết chế độ cho những người tử nạn theo chế độ, chính sách người có công. Đến cuối năm 2019 đại diện 22 gia đình có người tử nạn gửi đơn khởi kiện ra Tòa án để yêu Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 phải bồi thường về tổn thất tinh thần chứ không khởi kiện đòi bồi thường theo quy định của Luật lao động. Chính vì vậy Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 không có cơ sở để giải quyết việc bồi thường tai nạn lao động theo quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 145 BLLĐ năm 2012. Cho đến tháng 10/2021 tại phiên tòa phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đại diện các gia đình thương lượng với Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 để giải quyết bồi thường theo quy định của Luật lao động. Đồng thời tại các buổi làm việc, căn cứ vào điều kiện thực tiễn của Công ty cũng như quy định của pháp luật hiện hành, Tại Công văn số 10821/HC21-CT ngày 25/10/2021, Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 đã đồng ý chi trả với mức 36 tháng lương theo Q đồng/người tử nạn nhưng các gia đình không đồng ý mà yêu cầu nhà máy chi trả 45 tháng lương/ người tử nạn. Sau khi xem xét yêu cầu của thân nhân các gia đình và điều kiện thực tiễn của đơn vị. Tại Công văn số 11624/HC21-CT ngày 16/11/2021 Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 đã đồng ý chi trả 40 tháng lương/người tử nạn (Cao hơn 10 tháng so với quy định mức tối thiểu). Bên cạnh đó, Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 đã và đang thực hiện trợ cấp hàng tháng cho 32 cháu là con đẻ của những người tử nạn dưới 18 tuổi (cho đến khi đủ 18 tuổi) từ quỹ phúc lợi bằng mức lương cơ sở hiện hành từ quý 1/2014 đến hết quý 3/2022 với số tiền: 4,474 tỷ đồng; tiếp nhận 25 lao động là thân thân của những người tử nạn vào Nhà máy làm việc; bố trí việc làm tại các vị trí phù Q cho 05 lao động là thân nhân khác; vận động CBCNV ủng hộ tặng cho 03 cháu là con các tử nạn có hoàn cảnh khó khăn 03 sổ tiết kiệm tổng trị giá 100 triệu đồng; hỗ trợ cho 04 thân nhân người tử nạn để xây dựng 04 nhà

đồng đội với tổng giá trị: 561 triệu đồng; mỗi dịp lễ, tết và ngày xảy ra vụ nổ Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 đã tổ chức tốt hoạt động thăm hỏi, động viên, chia sẻ với thân nhân những người tử nạn, nhưng các gia đình vẫn không đồng Tận và quyết định khởi kiện theo thủ tục tố tụng vụ án bồi thường tai nạn Lao động ngày hôm nay, gây khó khăn cho việc ổn định sản xuất kinh dO của đơn vị.

Do đó quan điểm của Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 là: Nếu các gia đình đồng Tận để hòa giải, sớm khép lại vụ án này, giúp Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 tập trung vào nhiệm vụ sản xuất kinh dO thì Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 đồng ý chi trả cho các gia đình ở mức 40 tháng lương và lấy mức lương cơ sở tại thời điểm hiện nay cho từng trường Q cụ thể. Ngược lại nếu các gia đình tiếp tục khởi kiện Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 quan điểm của Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành tức là Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 chỉ chi trả 30 tháng lương theo Q đồng/người tử nạn.

Về phần chi trả tiền lãi chậm trả theo yêu cầu của Nguyên đơn, đại diện Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 thấy không có căn cứ để chi trả vì các lý do đã trình bày ở trên, đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết theo luật định.

Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 rất mong muốn thân nhân các gia đình của những người tử nạn chia sẻ, hiểu rõ về chế độ chính sách và thống nhất chủ trương giải quyết chính sách của các cơ quan chức N. Ngoài ra Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 không phản tố hay yêu cầu độc lập gì khác.

Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 nhất trí với việc rút yêu cầu khởi kiện của chị Cấn Thị Thùy Chi, ông Trần Văn Y và bà Vũ Thị L. Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 đã làm thủ tục, quyết định chi tiền bồi thường thiệt hại do tai nạn lao động cho các thân nhân người tử nạn không làm đơn khởi kiện cũng như những gia đình đã rút đơn khởi kiện theo quy định.

Đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Lương Khánh trình bày:

Về nội D vụ án, ông đồng ý với P bộ ý kiến của ông Hà Trung Thành - Đại diện cho Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21, ông không có ý kiến bổ sung gì khác.

Đối với các khoản tiền đã ghi trong bản kết luận điều tra số 2460/ BB - ĐTTNLĐ ngày 06/5/2014 của Tổng cục công nghiệp – Bộ quốc phòng là P bộ các khoản tiền để chi trả khắc phục hậu quả sau vụ nổ chứ không phải là khoản tiền chi trả hỗ trợ, bồi thường riêng cho 26 gia đình có con em tử nạn.

* Tại bản án lao động sơ thẩm số: 01/2022/LĐ-ST ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 144, 145 Bộ luật lao động; Điều 2 khoản 8 Điều 3, Điều 38 Luật vệ sinh an P lao động; Điểm d khoản 1 điều 32; điểm c khoản 1 điều 35 và điểm đ khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 217, Điều 228, Điều 244, Điều 266, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 4 điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: bà Nguyễn Thị T, bà Mai Thị M, bà Hoàng Thị T, ông Nguyễn Xuân T, bà Vi Thị L, bà Ngô Thị Kim O, ông Bạch N, bà Đặng Thị M, bà Vũ Thị B Minh, bà Phí Thị Sinh, bà Nguyễn Thị L, ông Hoàng Văn Chước, bà Hà Thị Hợp, bà Bùi Thị D, ông Phan Văn B, ông Nguyễn Xuân M, ông Nguyễn Văn Hà và ông Nguyễn Đình P đối với yêu cầu Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 bồi thường thiệt hại cho thân nhân người lao động bị chết do tai nạn lao động.

Buộc Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho thân nhân người lao động bị chết do tai nạn lao động số tiền cụ thể như sau:

1, Bà Nguyễn Thị T đại diện cho nạn nhân Đoàn Thị Hải Y số tiền 249.450.833 đồng - làm tròn 249.450.800đ (Hai trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn tám trăm đồng);

2,Bà Mai Thị M đại diện cho nạn nhân Hà Duy Đ số tiền 235.196.500đồng (Hai trăm ba mươi lăm triệu một trăm chin mươi sáu nghìn năm trăm đồng);

3, Bà Hoàng Thi T đại diện cho nạn nhân Hà Thị G số tiền 171.573.500đồng (Một trăm bảy mươi mốt triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm đồng);

4, Ông Nguyễn Xuân T đại diện cho nạn nhân Đoàn Thị M số tiền 171.573.500đồng (Một trăm bảy mươi mốt triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm đồng);

5, Bà Vi Thị L đại diện cho nạn nhân Lê T P số tiền 171.573.500đồng (Một trăm bảy mươi mốt triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm đồng);

6, Bà Ngô Thị Kim O đại diện cho nạn nhân Lưu R T số tiền 120.466.500đồng (Một trăm hai mươi triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng);

7, Ông Bạch N đại diện cho nạn nhân Bạch T số tiền 166.010.833đồng – làm tròn 166.010.800đ (Một trăm sáu mươi sáu triệu không trăm mười nghìn tám trăm đồng);

8, Bà Đặng Thị M đại diện cho nạn nhân Vì Thái B số tiền 146.541.500đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm đồng);

9, Bà Vũ Thị B Minh đại diện cho nạn nhân Hà Anh T số tiền 171.573.500đồng (Một trăm bảy mươi mốt triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm đồng);

10, Bà Phí Thị Sinh đại diện cho nạn nhân Nguyễn Thị T số tiền 138.197.500đồng (Một trăm ba mươi tám triệu một trăm chin mươi bảy nghìn năm trăm đồng);

11, Bà Nguyễn Thị L đại diện cho nạn nhân Bùi Thị R số tiền 146.541.500đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm đồng);

12, Ông Hoàng Văn Chước đại diện cho nạn nhân Trương Hải Hà số tiền 200.777.500đồng (Hai trăm triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng);

13, Bà Hà Thị Q đại diện cho nạn nhân Hoàng Việt T số tiền 146.541.500đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm đồng);

14. Bà Bùi Thị D đại diện cho nạn nhân Triệu Duy N số tiền 120.466.500đồng (Một trăm hai mươi triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng);

15. Ông Phan Văn B đại diện cho nạn nhân Phan Thị N số tiền 146.541.500đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm đồng);

16, Bà Mai Thị H đại diện cho nạn nhân Nguyễn Xuân J số tiền 120.466.500đồng (Một trăm hai mươi triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng);

17, Ông Nguyễn Văn Hà đại diện cho nạn nhân Nguyễn Văn T số tiền 171.573.500đồng (Một trăm bảy mươi mốt triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm đồng);

18, Ông Nguyễn Đình P đại diện cho nạn nhân Nguyễn T số tiền 171.573.500đồng (Một trăm bảy mươi mốt triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm đồng);

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa Tận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa Tận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn về việc:

2.1. Yêu cầu Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 phải trả tiền lãi suất chậm trả tính từ ngày xảy ra thiệt hại năm 2013 đến thời điểm được chi trả.

2.2. Yêu cầu Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 phải bồi thường theo Biên bản điều tra số 2460/BB-ĐTTNLĐ ngày 16/5/2014.

2.3. Giải quyết theo chế độ người có công cho những người bị tai nạn lao động.

2.4. Khởi tố vụ án hình sự đối với vụ việc tai nạn lao động.

3. Đình chỉ yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần và P bộ yêu cầu khởi kiện đối với Công ty TNHH một thành viên Hóa chất 21 của chị Cấn Thị Thùy Chi đại diện cho nạn nhân Trần Thị H; ông Trần Văn Y đại diện cho nạn nhân Trần Thị T; bà Vũ Thị L đại diện cho nạn nhân Nguyễn Thị Kim T.

4. Về án phí: Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 phải chịu 44.966.639đ – làm tròn 44.966.000đ (Bốn mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn Tên các vấn đề khác đúng quy định của pháp luật

Kháng cáo: Ngày 22/12/2022, Các nguyên đơn kháng cáo P bộ nội D bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã P đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem lại quyết định của bản án sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi Q pháp của các nguyên đơn.

Trước khi mở phiên tòa:

Ngày 15/02/2023, bà Hoàng Thị T có đơn rút đơn kháng cáo và rút yêu cầu khởi kiện.

Ngày 16/02/2023, ông Hoàng Văn Chước có đơn rút đơn kháng cáo và rút yêu cầu khởi kiện.

Ngày 25/02/2023, ông Bạch N có có đơn rút đơn kháng cáo và rút yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn còn lại vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của đại diện viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: VKSND tỉnh Phú Thọ đề nghị TAND tỉnh Phú Thọ chấp nhận một phần yêu cầu của các nguyên đơn, áp dụng khoản 2 điều 308 BLTTDS năm 2015 xử sửa bản án LĐST số 01 ngày 16/12/2022 của TAND thị xã P phần bồi thường tại mục 1 phần quyết định của bản án tăng bồi thường từ 35 tháng lương lên 40 tháng lương.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích Q pháp của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, tăng mức bồi thường cho gia đình các nạn nhân tử nạn. Đồng thời xem xét đối với các vấn đề không Tộc thẩm quyền giải quyết của vụ án nhưng lại Tên bác yêu cầu khởi kiện của họ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm Sát tỉnh Phú Thọ; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Kháng cáo của các nguyên đơn trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Bà Hoàng Thị T; ông Bạch N và ông Hoàng Văn Chước đã có văn bản rút P bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy phần xét xử sơ thẩm, đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu của bà Hoàng Thị T; ông Bạch N và ông Hoàng Văn Chước.

[2]. Về nội D: Xét kháng cáo của các nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Đối với yêu cầu Công ty THHH một thành viên Hóa chất 21 bồi thường theo biên bản điều tra số 2460/BB-BĐTTNLĐ ngày 06/5/2014 (sau khi trừ đi các khoản thực tế mà gia đình các nạn nhân được nhận cụ thể số tiền buộc nhà máy Z121 phải chi trả gồm:

- Chi phí bồi thường hoặc trợ cấp: 18.243.000.000 tỷ đồng. *(Mười tám tỷ, hai trăm bốn mươi ba triệu đồng).*

- Chi phí ma chay thăm hỏi là: 8.797.000.000 tỷ đồng *(Tám tỷ, bảy trăm chín mươi bảy triệu đồng).*

Hội đồng xét xử thấy rằng, 02 khoản tiền chi trả trên là khoản để khắc phục hậu quả chung của vụ nổ, không phải là khoản chi trả riêng cho 27 người tử nạn. Số tiền này Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 đã chi trả cho 26 người lao động bị tử nạn, 01 người dân; Ngoài ra Công ty còn chi cho 75 người bị thương (Trong đó công nhân của Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 là 72 người và 03 người dân) và hơn 1500 ngôi nhà của người dân bị ảnh hưởng, thiệt hại bởi vụ nổ. Ngoài ra trong số tiền 8.797.000.000đ (Tám tỷ bảy trăm chín mươi bảy triệu đồng) là số tiền chi phí cho mai táng, thăm hỏi để chi cho 27 người chết, 75 người bị thương. Đối với việc yêu cầu của các nguyên đơn đề nghị Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 lãm rõ nội D về chi ma chay cho các gia đình có nhân thân tử nạn không giống nhau có sự chênh lệch dẫn đến không công bằng. Về việc này công ty có quan điểm: Nội D về khoản chi phông bạt, thợ kèn thì theo yêu cầu của các gia đình công ty đã chi cho các gia đình có bảng kê cụ thể, lí do có sự chênh lệch chi khoản tiền cho các gia đình có con em tử nạn là ngoài việc chi này, thì công ty còn chi thăm hỏi những nạn nhân trong quá trình điều trị tại bệnh viện cho đến khi qua đời. Xét quan điểm của công ty là có cơ sở và phù Q. Vì vậy, kháng cáo này của các nguyên đơn không có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Đối với việc các nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 phải giải trình và cung cấp các tài liệu chứng từ chứng minh nghĩa vụ chi trả các khoản chi phí được giải trình theo biên bản điều tra 2460/BB - ĐTTNLĐ ngày 06/05/2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 đã giải trình, cung cấp tài liệu kèm theo về các khoản đã chi trả, được kết luận trong Biên bản 2460, bao gồm khoản chi khắc phục hậu quả chung của vụ việc và hỗ trợ thân nhân gia đình người bị tử nạn, các khoản chi đó Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 đã thực hiện và đúng quy định của pháp luật, có chứng từ chi đầy đủ và cung cấp các chứng từ liên quan kèm theo hồ sơ vụ việc. Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 đã có trách nhiệm, tự nguyện hỗ trợ cho thân nhân các gia đình người bị tai nạn về chế độ, chính sách, cấp dưỡng nuôi con dưới 18 tuổi và Tển dụng thân nhân của người bị tai nạn lao động vào Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 làm việc. Đồng thời chi trả khoản tiền mai táng phí, thăm hỏi…(có tài liệu thể hiện chữ ký người nhận tiền).

Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu này của nguyên đơn, còn những phần không phù Q và không có căn cứ nên không được chấp nhận. Do đó, yêu cầu kháng cáo này của các đồng nguyên đơn không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu của các nguyên đơn đề nghị xử lý vụ tai nạn lao động theo pháp luật hình sự; Giải quyết chế độ người có công cho những người bị tai nạn lao động. Những yêu cầu này của nguyên đơn không Tộc thẩm quyền của Tòa án, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết trong vụ án lao động, không chấp nhận yêu cầu này là chưa đúng thẩm quyền cần phải rút kinh nghiệm.

[2.4] Đối với yêu cầu buộc công ty bồi thường theo điểm b khoản 3 Điều 145 Bộ luật lao động là 45 tháng lương theo Q đồng lao động và lãi suất chậm trả.

Đối với việc bồi thường cho những người bị tai nạn lao động đã tử nạn, theo quy định của BLLĐ thì thân nhân của họ được hưởng mức bồi thường tại điểm b khoản 3 điều 145 của Bộ luật lao động năm 2012 thì thân nhân của người lao động bị chết được hưởng ít nhất là 30 tháng tiền lương. Các nguyên đơn yêu cầu Công ty phải bồi thường 45 tháng lương theo Q đồng lao động. Quá trình xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 đều trình bầy nếu thỏa Tận được P bộ nội D vụ án thì Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 nhất trí bồi thường cho các thân nhân có lao động bị tử nạn là 40 tháng tiền lương/người bị tử nạn. Xét thấy sự việc đã kéo dài Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 chưa bồi thường xong cho các thân nhân người lao động bị chết, để bù đắp một phần thiệ hại nặng nề cho các thân nhân người lao động bị chết nên tăng mức bồi thường từ 35 tháng tiền lương/người bị tai nạn lên 40 tháng tiền lương/người bị tai nạn, được tính 06 tháng cuối theo mức lương tại thời điểm xét xử là 1.490.000 đồng.

Đối với yêu cầu của các nguyên đơn đề nghị Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 phải trả tiền lãi suất chậm trả tính từ ngày xảy ra thiệt hại năm 2013 đến thời điểm được chi trả. Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi tai nạn lao động xảy ra Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 phối Q với cơ quan chức N nhằm giải quyết chế độ, chính sách theo chế độ người có công (chế độ chính sách cao nhất có thể) cho những người tử nạn và bị thương. T nhiên theo quy định của pháp luật hiện hành, những người bị thương vong trong vụ tai nạn lao động ngày 12/10/2013 không đủ điều kiện để giải quyết theo chế độ, chính sách người có công. Vì vậy, tháng 12/2016 Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 đã hoàn thiện thủ tục giải quyết chế độ tai nạn lao động cho các thân nhân những người tử nạn và những người bị thương. Nhưng thân nhân của những người tử nạn không đồng ý với cách giải quyết chế độ tai nạn lao động đối với người đã chết. Vì vậy, liên tục từ cuối năm 2016 đến nay, các gia đình đã gửi rất nhiều đơn thư đến Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 cũng như đến các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội cùng như các cơ quan chức N trong và ngoài Quân đội để yêu cầu giải quyết chế độ cho những người tử nạn theo chế độ, chính sách người có công. Đến cuối năm 2019 đại diện 22 gia đình có người tử nạn gửi đơn khởi kiện Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 khởi kiện yêu cầu bồi thường về tổn thất tinh thần chứ không yêu cầu bồi thường theo quy định của Luật lao động. Chính vì vậy Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 không có cơ sở để giải quyết việc bồi thường tai nạn lao động theo quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 145 BLLĐ năm 2012.

Do vậy yêu cầu tính lãi suất chậm trả này của các nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

Tại các buổi hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bị đơn là Công ty TNHH một thành viên Hóa chất 21 và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Tổng cục Công nghiệp - Bộ quốc phòng đều có quan điểm thống nhất thỏa Tận thì Công ty TNHH một thành viên Hóa chất 21 hỗ trợ bồi thường từ 35 đến 40

tháng tiền lương theo Q đồng lao động. Xét thấy, theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 145 Bộ luật lao động năm 2012 quy định:

"**Điều 145. Quyền của người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp**

3. Người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp mà không do lỗi của người lao động và bị suy giảm khả N lao động từ 5% trở lên thì được người sử dụng lao động bồi thường với mức như sau:

b) Ít nhất 30 tháng tiền lương theo Q đồng lao động cho người lao động bị suy giảm khả N lao động từ 81% trở lên hoặc cho thân nhân người lao động bị chết do tai nạn lao động."

Như vậy, cần xác định Công ty TNHH một thành viên Hóa chất 21có đủ khả N để bồi thường cho các hộ dân với mức 40 tháng tiền lương theo Q đồng lao động. Vì vậy, cấp sơ thẩm chỉ áp dụng 35 tháng tiền lương theo Q đồng lao động là chưa phù Q, cần sử bản bản án đối với nội D này. Buộc Công ty TNHH một thành viên Hóa chất 21 phải bồi thường cho các nguyên đơn 40 tháng lương tiền lương theo Q đồng lao động. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của các nguyên đơn.

[3] Rút kinh nghiệm đối với bản án sơ thẩm do trong phần nhận định của bản án sơ thẩm các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không Tộc thẩm quyền của Tòa án nhưng tại phần quyết định của bản án lại Tên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với các yêu cầu không Tộc thẩm quyền của tòa án là không đúng pháp luật.

[4] Xét quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích Q pháp của các nguyên đơn tại phiên tòa tương đối phù Q nên được chấp nhận.

[5] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tại phiên tòa là phù Q nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các nguyên đơn không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, bà Mai Thị M, ông Nguyễn Xuân T, bà Vi Thị L, bà Ngô Thị Kim O, bà Đặng Thị M, bà Vũ Thị B Minh, bà Phí Thị Sinh, bà Nguyễn Thị L, bà Hà Thị Hợp, bà Bùi Thị D, ông Phan Văn B, ông Nguyễn Xuân M, ông Nguyễn Văn Hà và ông Nguyễn Đình P. Sửa một phần bản án lao động sơ thẩm số: 01/2022/LĐ-ST ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào: Điểm d khoản 1 Điều 32; Điều 147; Điều 217; Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điểm b khoản 1 Điều 289; khoản 1 Điều 299; Điều 311; Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Hủy một phần của bản án lao động sơ thẩm số: 01/2022/LĐ-ST ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T, ông Hoàng Văn Chước và ông Bạch N.

Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T, ông Hoàng Văn Chước và ông Bạch N

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Hoàng Thị T, ông Hoàng Văn Chước và ông Bạch N

Căn cứ vào Điều 144; Điều 145 của Bộ luật lao động; Điều 2 khoản 8 Điều 3; Điều 38 của Luật vệ sinh an P lao động; khoản 4 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: bà Nguyễn Thị T, bà Mai Thị M, ông Nguyễn Xuân T, bà Vi Thị L, bà Ngô Thị Kim O, bà Đặng Thị M, bà Vũ Thị B Minh, bà Phí Thị Sinh, bà Nguyễn Thị L, bà Hà Thị Hợp, bà Bùi Thị D, ông Phan Văn B, ông Nguyễn Xuân M, ông Nguyễn Văn Hà và ông Nguyễn Đình P đối với yêu cầu Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 bồi thường thiệt hại cho người đại diện thân nhân người lao động bị chết do tai nạn lao động.

Buộc Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho người đại diện thân nhân người lao động bị chết do tai nạn lao động số tiền cụ thể như sau:

1, Bà Nguyễn Thị T là người đại diện cho thân nhân nạn nhân Đoàn Thị Hải Y số tiền 285.086.680 đồng - làm tròn 285.086.700đ (Hai trăm tám mươi lăm triệu không trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm đồng);

2, Bà Ngô Thị Thúy G ủy quyền cho bà Mai Thị Q là người đại diện cho thân nhân nạn nhân Hà Duy Đ số tiền 268.796.000đồng (Hai trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn đồng);

3, Ông Nguyễn Xuân T là người đại diện cho thân nhân nạn nhân Đoàn Thị M số tiền 196.084.000đồng (Một trăm chín mươi sáu triệu không trăm tám mười tư nghìn đồng);

4, Bà Vi Thị L là người đại diện cho thân nhân nạn nhân Lê T P số tiền 196.084.000đồng (Một trăm chín mươi sáu triệu không trăm tám mười tư nghìn đồng);

5, Bà Ngô Thị Kim O là người đại diện cho thân nhân nạn nhân Lưu R T số tiền 137.676.000đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn đồng);

6, Bà Đặng Thị M là người đại diện cho thân nhân nạn nhân Vì Thái B số tiền 167.476.000đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng);

7, Bà Vũ Thị B Minh là người đại diện cho thân nhân nạn nhân Hà Anh T số tiền 196.084.000đồng (Một trăm chín mươi sáu triệu không trăm tám mười tư nghìn đồng);

8, Bà Phí Thị Sinh là người đại diện cho thân nhân nạn nhân Nguyễn Thị T số tiền 157.940.000đồng (Một trăm năm mươi bảy triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng);

9, Bà Nguyễn Thị L là người đại diện cho thân nhân nạn nhân Bùi Thị R số tiền 167.476.000đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng);

10, Bà Hà Thị Q là người đại diện cho thân nhân nạn nhân Hoàng Việt T số tiền 167.476.000đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng);

11. Bà Bùi Thị D là người đại diện cho thân nhân nạn nhân Triệu Duy N số tiền 137.676.000đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn đồng);

12, Ông Phan Văn B là người đại diện cho thân nhân nạn nhân Phan Thị N số tiền 167.476.000đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng);

13, Bà Mai Thị H là người đại diện cho thân nhân nạn nhân Nguyễn Xuân J số tiền 137.676.000đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn đồng);

14, Ông Nguyễn Văn Hà là người đại diện cho thân nhân nạn nhân Nguyễn Văn T số tiền 196.084.000đồng (Một trăm chín mươi sáu triệu không trăm tám mười tư nghìn đồng);

15, Ông Nguyễn Đình P là người đại diện cho thân nhân nạn nhân Nguyễn T số tiền 196.084.000đồng (Một trăm chín mươi sáu triệu không trăm tám mười tư nghìn đồng);

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa Tận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa Tận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn về việc: Yêu cầu Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 phải trả tiền lãi suất chậm trả tính từ ngày xảy ra thiệt hại năm 2013 đến thời điểm được chi trả.

3. Đình chỉ yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần và P bộ yêu cầu khởi kiện đối với Công ty TNHH một thành viên Hóa chất 21 của chị Cấn Thị Thùy Chi đại diện cho nạn nhân Trần Thị H; ông Trần Văn Y đại diện cho nạn nhân Trần Thị T; bà Vũ Thị L đại diện cho nạn nhân Nguyễn Thị Kim T.

4. Về án phí: Công ty TNHH một thành viên hóa chất 21 phải chịu 51.749.000đ (Năm mươi mốt triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm.

Các nguyên đơn không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

Trường Q bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS thị xã P;
- TAND thị xã P;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Tuấn